

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2024/DS-PT

Ngày 13/12/2024

V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
bà Lữ Thị Tuyết Lan -Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2024/TLPT- DS, ngày 20 tháng 11 năm 2024,về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 376/2024/QĐ - PT, ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: bà Võ Thị Kim S là bị đơn, ông Nguyễn Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2024 của nguyên đơn Nguyễn Thị N và trong quá trình tham gia tố tụng bà N trình bày:

Vào ngày 11/5/2013, bà N có cho bà S và ông T mượn (vay) 25 chỉ vàng SJC, hai bên có làm biên nhận bằng văn bản, thời hạn vay 01 năm.

Đến hạn trả nợ, do bà S và ông T gặp khó khăn về kinh tế nên bà N đồng ý cho bà S và ông T trả dần bằng tiền, nhưng quy đổi ra vàng. Từ ngày 20/10/2014 đến ngày 16/10/2023, bà S và ông T đã trả cho bà nhiều lần với tổng số tiền là 76.800.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24kara (việc trả tiền và vàng các bên tự ghi sổ theo dõi, không có làm biên nhận). Bà N quy đổi số tiền 76.800.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24kara mà bà S và ông T đã trả cho bà bằng 13 chỉ vàng SJC nên bà S và ông T còn nợ lại bà 1 chỉ vàng SJC. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà S và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 1 chỉ vàng SJC.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu bà S và ông T có nghĩa vụ liên đới trả lại 9,5 chỉ vàng SJC.

Tại bản khai ý kiến ngày 27/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T cùng trình bày:

Bà S và ông Thường thừa nhận vào ngày 11/5/2013 có mượn của bà N 25 chỉ vàng SJC, ông T có viết biên nhận mượn vàng, hai bên thỏa thuận trả nợ bằng tiền, nhưng quy đổi ra bằng vàng. Từ năm 2014 đến năm 2023, bà S và ông T đã trả cho bà N được tổng số tiền 76.800.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24kara đúng như bà N trình bày. Tuy nhiên, bà S và ông T cho rằng do việc trả tiền nhiều lần và trả trong nhiều năm nên việc quy đổi tiền bằng vàng phải quy đổi giá vàng tại thời điểm trả tiền. Theo bà S và ông T thì tổng số tiền 76.800.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24kara mà bà S và anh T đã trả cho bà N được quy đổi bằng 21,61 chỉ vàng SJC nên nay bà S và anh T chỉ đồng ý trả cho bà N 4,19 chỉ vàng SJC, không đồng ý trả 9,5 chỉ vàng SJC như bà N yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2024/DS-PT, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N 7,5 chỉ vàng SJC (bảy chỉ năm phân vàng SJC). Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024 bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T kháng cáo. Bà S và ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, các đương sự đồng ý trả cho bà N 4,19 chỉ vàng SJC, không đồng ý trả 7,5 chỉ vàng SJC.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T giữ nguyên kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị N 4,19 chỉ vàng SJC.

Bà Nguyễn Thị N không đồng ý kháng cáo của bà S và ông T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Án phí dân sự phúc thẩm: bà S được miễn án phí, ông T phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đơn kháng cáo của bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T còn trong thời hạn quy định tại điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T:

[1] Xét thấy: vào ngày 11/5/2013, bà Nguyễn Thị N có cho bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T mượn 25 chỉ vàng SJC, ông T có viết biên nhận, thời hạn trả là 01 năm. Đến hạn trả nợ, do bà S và ông T gặp khó khăn về kinh tế nên bà N đồng ý cho bà S và ông T trả dần cho bà N bằng tiền, nhưng quy đổi ra bằng vàng SJC. Sau khi mượn vàng đến tháng 10/2023, bà S và ông T đã trả cho bà N nhiều lần với tổng số tiền là 76.800.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24kara, điều này được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tuy nhiên giữa bà N với bà S và ông T chưa thống nhất với nhau về việc quy đổi từ tiền ra bằng vàng. Bà N tính giá vàng tại thời điểm năm 2022 với giá 6.730.000 đồng/chỉ. Bà S và ông T tính giá vàng tại thời điểm trả tiền. Do hai bên không thống nhất với nhau về việc quy đổi từ tiền ra bằng vàng nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S và ông T trả cho bà N 12 chỉ vàng SJC. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2024 bà S và ông T đồng ý trả cho bà N 9,5 chỉ vàng SJC, tuy nhiên sau đó bà S và ông T thay đổi ý kiến, không đồng ý trả bà N 9,5 chỉ vàng SJC. Bản án sơ thẩm áp dụng giá vàng theo từng thời điểm mà bà S, ông T trả tiền cho bà N là phù hợp, quy đổi số tiền 76.800.000đ và 1,5 chỉ vàng 24K tương ứng 17,5 chỉ vàng SJC, buộc bà S và ông T trả cho bà N 7,5 chỉ vàng SJC là có căn cứ.

Bà S và ông T kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

[3] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: bà S được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông T nộp 300.000đ.

[5] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 471, Điều 478 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Buộc bà Võ Thị Kim S và ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị N 7,5 chỉ vàng SJC (bảy chỉ năm phân vàng SJC).

2. Án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0005990 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ông T nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Mang Thít;
- CCTHADS huyện Mang Thít;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

